

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị
2. Ông Nguyễn Văn Năm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc ”*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp M xã N huyện T tỉnh Long An.

Tạm trú: đường N khu phố 3 phường 1 thành phố H tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lê Thuận Tuyển, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp M xã N huyện T tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Lê Thuận T đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1 thị xã H vào ngày 19/10/2011.

Sau khi cưới chị và anh T sống chung tại thành phố H, tỉnh Tây Ninh, đến năm 2018 vợ chồng về huyện T sinh sống. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh

phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị muốn mua bán hàng hóa để có thêm thu nhập nhưng anh T không đồng ý, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiểm soát gây sự với chị từ đó xảy ra cãi vã, ngoài ra anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ tháng 4/2020 chị về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó đến nay chị và anh T cũng có gặp nhau nhưng chị không có ý muốn hàn gắn hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung: A, sinh ngày: 18/01/2012 và B, sinh ngày: 11/11/2014, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Thuận T trình bày: qua lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống anh thống nhất.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì, anh cũng thừa nhận có ngăn cản việc chị H buôn bán hàng hóa nên xảy ra cãi vã. Từ tháng 4/2020 vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, chị H về tỉnh Tây Ninh sống. Từ đó đến nay anh và chị H cũng có gặp nhau, cũng có liên lạc với nhau qua điện thoại, anh cũng có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung tên A, sinh ngày: 18/01/2012 và B, sinh ngày: 11/11/2014, hiện đang sống chung với chị H. Trong trường hợp tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, trong trường hợp tòa án giao con cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh và chị H có 01 căn nhà của cha mẹ anh cất cho nhưng anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Sỹ Diệu – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A, sinh ngày: 18/01/2012 và B, sinh ngày: 11/11/2014 cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Chứng cứ mà các bên cung cấp trong vụ án là: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản sao sổ hộ khẩu và CMND của chị H, anh T.

Nội dung các bên thống nhất: Thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nội dung các bên không thống nhất: chị H yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thuận T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, thấy rằng: chị H và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 1 thị xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2011 nên hôn nhân của chị H, anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chị muốn mua bán hàng hóa để có thêm thu nhập nhưng anh T không đồng ý, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiểm soát gây sự với chị từ đó xảy ra cãi vã, ngoài ra anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác từ đó phát sinh mâu thuẫn. Theo anh T vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh T thừa nhận có ngăn cản việc buôn bán của chị H. Từ tháng 4/2020 chị H, anh T không còn sống chung với nhau. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận vì trong quá trình chung sống chị H, anh T đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai người đã không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Về phía anh T, từ khi chị H nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù anh T có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H, anh T có 02 con chung tên A, sinh ngày: 18/01/2012 và B, sinh ngày: 11/11/2014, hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi 02 con chung. Anh T trình bày trong trường hợp tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con.

Xét thấy các con chung hiện nay đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu được phát triển và học hành đảm bảo, chị H có chỗ ở ổn định, các con chung từ khi sinh ra cho đến nay do chị H chăm sóc, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu và tạo điều kiện thuận lợi cho các cháu ổn định cuộc sống, mặc

khác tại bản tự khai cháu A cũng trình bày có nguyện vọng được sống với chị Hương. Do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu A và B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: chị H và anh T không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị H và anh T trình bày thống nhất không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H về việc "Ly hôn" với anh Lê Thuận T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Lê Thuận T.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên A, sinh ngày: 18/01/2012 và B, sinh ngày: 11/11/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Thuận T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007142 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THA huyện T;
- UBND phường 1, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị

Ông Nguyễn Văn Năm

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “*ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Hương, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp Bình Lương 2 xã Bình Thạnh huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

Tạm trú: số 18 hẻm 9 đường tua 2 khu phố 3 phường 1 thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lê Thuận Tuyền, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp Bình Lương 2 xã Bình Thạnh huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Hương về việc “*Ly hôn*” với anh Lê Thuận Tuyền.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim Hương được ly hôn với anh Lê Thuận Tuyền.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Kim Hương tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Trà My, sinh ngày: 18/01/2012 và Lê Nguyễn Hà My, sinh ngày: 11/11/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Thuận Tuyền không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim Hương chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007142 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, chị Nguyễn Thị Kim Hương đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thông nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nhị

Nguyễn Văn Năm

Ngô Thị Thùy Diễm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhi

Ông Nguyễn Văn Năm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Ngoan, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp 3 xã Mỹ An huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Mai Thanh Cường, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 4 xã Mỹ An huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngoan về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” với ông Mai Thanh Cường.

Buộc ông Mai Thanh Cường có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Ngoan số tiền hụi 160.000.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng ông Mai Thanh Cường còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Mai Thanh Cường phải nộp 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nhị

Nguyễn Văn Năm

Ngô Thị Thùy Diễm

Ngày 19/12/2016 và ngày 05/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tiến hành niêm yết: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Ngọc Giàu. Nhưng ông Giàu không đến tham gia phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã lập Biên bản không hòa giải được và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông Giàu vào ngày 04/01/2017 và 03/02/2017.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc Giàu nhưng xét thấy ngày 07/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã niêm yết: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2017, Giấy báo phiên tòa cho ông Giàu. Nhưng tại phiên tòa ngày 22/02/2017 ông Giàu vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2017/QĐST-HNGĐ. Ngày 22/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã đã tổng đạt: Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Giàu nhưng tại phiên tòa ngày 13/3/2017 ông Giàu vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Giàu.